

*

Số: - QĐ/ĐU

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ tại Đại học Quốc gia Hà Nội

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị Quy định về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (viết tắt là *Quy định số 368-QĐ/TW*);

- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ (viết tắt là *Quy định số 377-QĐ/TW*); Hướng dẫn số 45-HD/BTCTW ngày 21/11/2025 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung Quy định số 377-QĐ/TW;

- Căn cứ Quy định số 05-QĐ/TU ngày 05/12/2025 của Thành ủy Hà Nội về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ (viết tắt là *Quy định số 05-QĐ/TU*);

- Căn cứ các quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ và cụ thể hóa một số nội dung quy trình công tác cán bộ,

Ban Thường vụ Đảng ủy Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) quy định về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình quy hoạch cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy cơ sở trực thuộc, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, viên chức trong ĐHQGHN.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở Cơ quan ĐHQGHN với các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc; giữa các lĩnh vực công tác, lĩnh vực chuyên môn; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 05 năm), tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ phù hợp với cơ quan, đơn vị và lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược của ĐHQGHN.

5. Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh (chức vụ) cao hơn chức danh đang đảm nhiệm; không quy hoạch chức danh đang đảm nhiệm, chức danh tương đương, chức danh thấp hơn hoặc chức danh kiêm nhiệm theo cơ cấu. Đối với cán bộ hiện giữ chức danh (*chức vụ*) cao hơn (*theo Quy định số 368-QĐ/TW*) chức danh chỉ định, giới thiệu tham gia cấp ủy theo cơ cấu, thì không phải quy hoạch vào các chức danh này và khi chỉ định, giới thiệu nhân sự không phải thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo quy định.

6. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Cán bộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch, thì đủ điều kiện đưa vào danh sách để thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

7. Bảo đảm trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan trong xem xét, quyết định về nhân sự: (i). Cơ quan đề xuất về nhân sự chịu trách nhiệm toàn diện về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục, hồ sơ nhân sự và ý kiến đề xuất của mình; (ii). Cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao của mình;

(iii). Tập thể quyết định cán bộ chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong phê duyệt quy hoạch.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

3. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở". Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm:

a) Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (*do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra*).

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (*nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách*) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (*nếu có*)... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

b) Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

c) Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (*đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo*), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Quy hoạch cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh, chức vụ cao hơn chức danh, chức vụ đang đảm nhiệm.
2. Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh, chức vụ đã được phê duyệt quy hoạch.
3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy ĐHQGHN bao gồm: Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy, Ban Tuyên giáo Đảng ủy, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN (trong đó có Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN).
4. Cấp ủy cơ sở trực thuộc là ban chấp hành đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG TÁC QUY HOẠCH

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN triển khai thực hiện quy trình và báo cáo: (i). Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương) quyết định phê duyệt quy hoạch

các chức danh Ủy viên chính thức, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo yêu cầu; (ii). Ban Tổ chức Trung ương quyết định phê duyệt quy hoạch chức vụ Giám đốc ĐHQGHN; (iii). Bộ Giáo dục và Đào tạo và cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch chức vụ Phó Giám đốc ĐHQGHN; (iv). Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy Hà Nội quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN được Thành ủy Hà Nội ủy quyền quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN.

Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám đốc ĐHQGHN quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN quản lý gồm: (i). Cấp trưởng, cấp phó cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy ĐHQGHN; (ii). Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, trưởng ban, phó trưởng ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN; (iii). Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN; (iv). Cấp trưởng, cấp phó đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN¹.

3. Các cấp ủy cơ sở, tập thể lãnh đạo đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN: (i). Được Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN ủy quyền quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ/chi bộ cơ sở, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra đảng ủy cơ sở; (ii). Quyết định phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy và chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

b) Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (*theo thẩm quyền được phân cấp*), nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

¹ Công tác quy hoạch các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn ĐHQGHN; Bí thư, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ĐHQGHN thực hiện theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

c) Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

d) Trách nhiệm chủ trì trong công tác quy hoạch:

- Đối với cấp ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN: Do cấp ủy cơ sở chủ trì.

- Đối với các đơn vị không có tổ chức đảng cùng cấp với tổ chức chính quyền: Do tập thể lãnh đạo đơn vị chủ trì.

- Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy ĐHQGHN; Văn phòng, các ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN: Do tập thể đơn vị/chi ủy/bí thư chi bộ chủ trì.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Đảng ủy ĐHQGHN:

a) Tham mưu chủ trương, quy định về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

b) Trình Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy và lãnh đạo, quản lý đối với nhân sự thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN theo quy định.

c) Tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các cơ quan, đơn vị.

d) Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác *(khi cần thiết hoặc theo yêu cầu)* để các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu của Đảng ủy ĐHQGHN và cơ quan liên quan:

a) Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

b) Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN.

Chương III **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 7. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch (các chức danh cấp ủy và lãnh đạo, quản lý), bao gồm:

a) Chức danh Ủy viên chính thức, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương

Đảng; Giám đốc, Phó Giám đốc ĐHQGHN: Thực hiện theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền (Ban Tổ chức Trung ương/Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b) Các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội quản lý: Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư và Bí thư Đảng ủy ĐHQGHN.

c) Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN quản lý: Thực hiện theo **Phụ lục 01**.

2. Đối tượng quy hoạch (cấp ủy và lãnh đạo, quản lý), bao gồm:

a) Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh thuộc diện Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN quản lý thực hiện theo **Phụ lục 2**.

b) Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN căn cứ **Phụ lục 2** để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch:

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch:

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm (hoặc chỉ định, chuẩn y, phê chuẩn) vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 8. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 01 đến 02 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp. Lần thứ 01 thực hiện trong Quý I và báo cáo cấp trên trực tiếp về kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ cấp mình quản lý trong Quý II, chậm nhất tháng 6.

Trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 02 trong năm phải báo cáo, xin chủ trương của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch trước khi thực hiện; ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự đầy đủ, đúng quy định, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không quá 15 ngày làm việc.

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch tại ĐHQGHN phải là viên chức và cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh, chức vụ bổ nhiệm theo quy định.

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh, chức vụ bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Về trình độ lý luận chính trị: Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN quản lý: (i). Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng với chức danh, chức vụ bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; (ii). Đối tượng 2 có thể chưa đáp ứng ngay tiêu chuẩn lý luận chính trị, nhưng sau khi được phê duyệt quy hoạch, thì phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

2. Về độ tuổi:

a) Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (*120 tháng*) đối với đối tượng 2.

b) Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 60 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (*120 tháng*) đối với đối tượng 2.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch:

a) Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các cơ quan tham mưu của Đảng, ủy ban kiểm tra cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý (Phó Giám đốc ĐHQGHN; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, trưởng, phó trưởng ban chức năng, cấp trưởng, cấp phó đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc) là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh Giám đốc ĐHQGHN là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

b) Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Theo kế hoạch, văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc là thời điểm cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ có thẩm quyền nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 10. Hệ số, số lượng và cơ cấu quy hoạch

1. Về hệ số, số lượng:

a) Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

b) Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá 03 chức danh lãnh đạo, quản lý ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (*không bao gồm chức danh uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra*).

2. Về cơ cấu:

Phân đấu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp ĐHQGHN và cấp cơ sở*) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ² khoảng 5-10%, tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, lĩnh vực; cấp cơ sở và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch:

Quy trình quy hoạch gồm 02 quy trình: (i). Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ; (ii). Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

a) Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN quản lý: Thực hiện theo **Phụ lục 3**.

b) Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc căn cứ **Phụ lục 3** để quy định cụ thể cho phù hợp.

2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo **Phụ lục 4**.

Điều 12. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch:

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

² Cán bộ có trình độ khoa học công nghệ là: (i). Cán bộ có trình độ chuyên môn đại học trở lên của các ngành liên quan đến lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; (ii). Cán bộ có trình độ chuyên môn đại học chuyên ngành khác và có bằng hoặc chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn (*từ 01 năm trở lên*) do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp theo quy định; có ít nhất 02 năm trực tiếp đảm nhiệm công việc trong các dự án, chương trình khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương và có sản phẩm, kết quả cụ thể.

2. Quản lý quy hoạch:

Căn cứ kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

a) Sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

c) Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 13. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

1. Cán bộ đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch; quá tuổi bổ nhiệm; bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (*đối với cá nhân*) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ; hoặc đã từ trần hoặc nghỉ công tác thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (*cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định đưa ra khỏi quy hoạch mà không phải lấy phiếu biểu quyết*).

2. Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật, thì các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải kịp thời quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền đưa ngay ra khỏi quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý.

3. Đối với các trường hợp còn lại, thì thực hiện kết hợp vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm gần nhất theo quy định.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

1. Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn theo quy định, nhưng không vượt quá số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập; chậm nhất sau 05 năm (*tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực*) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được

xem xét để bỏ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này để quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm, đối tượng, quy trình, thủ tục quy hoạch phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị nhưng không trái với Quy định này.

2. Ban Tổ chức Đảng ủy ĐHQGHN chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quy định số 130-QĐ/ĐU ngày 09/5/2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN về công tác quy hoạch; Hướng dẫn số 131-HD/BTCĐU ngày 09/5/2022 của Ban Tổ chức Đảng ủy ĐHQGHN hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ./.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội,
- Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Đảng ủy ĐHQGHN,
- Ban Giám đốc ĐHQGHN,
- VP, UBKT và các Ban của Đảng ủy ĐHQGHN,
- Văn phòng và các ban chức năng của ĐHQGHN,
- Khối Văn phòng Đảng - đoàn thể của ĐHQGHN,
- Các tổ chức chính trị - xã hội của ĐHQGHN,
- Các cấp ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN,
- Các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN,
- Lưu: VPĐU, TCĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Bùi Thế Duy

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy định số - QĐ/ĐU ngày /6/2026
của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN)

1. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN *(theo ủy quyền của Thành ủy Hà Nội)*.
2. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Phó Chủ nhiệm và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN *(theo ủy quyền của Thành ủy Hà Nội)*.
3. Cấp trưởng, cấp phó cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy ĐHQGHN.
4. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, trưởng ban, phó trưởng ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN.
5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn ĐHQGHN; Bí thư, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ĐHQGHN.
6. Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN.
7. Cấp trưởng, cấp phó đơn vị thành viên, đơn vị thuộc, trực thuộc và tương đương./.

PHỤ LỤC 2**ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH**

(Kèm theo Quy định số - QĐ/ĐU ngày /6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN)

STT	Chức danh quy hoạch	Đối tượng 1	Đối tượng 2
A	ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (ĐHQGHN)		
I	Các chức danh Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN		
1	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN	- Bí thư cấp ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN. - Cấp trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN. - Chánh Văn phòng, trưởng ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN. - Cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của ĐHQGHN.	- Phó Bí thư cấp ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN. - Cấp phó đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN. - Cấp phó cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy ĐHQGHN. - Phó Chánh Văn phòng, phó trưởng ban chức năng và tương đương.
2	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN.	- Bí thư cấp ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN. - Cấp trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN. - Cấp trưởng cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy ĐHQGHN. - Chánh Văn phòng, trưởng ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN.
3	Phó Bí thư Đảng ủy ĐHQGHN	- Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN.	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN.

STT	Chức danh quy hoạch	Đối tượng 1	Đối tượng 2
		- Phó Giám đốc ĐHQGHN.	
4	Bí thư Đảng ủy ĐHQGHN	- Phó Bí thư Đảng ủy ĐHQGHN. - Phó Giám đốc ĐHQGHN.	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN.
II	Chức danh Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN		
1	Ủy viên và Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN	- Đảng viên của Văn phòng, các ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN. - Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN. <i>(các đồng chí quy hoạch chức danh Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN phải được quy hoạch chức danh Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN; Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN phải được quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN).</i>	
2	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN <i>(đồng thời phải được quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN).</i>	- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ĐHQGHN. - Bí thư cấp ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ ĐHQGHN. - Cấp trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc <i>(chưa là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN)</i> . - Cấp trưởng cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy ĐHQGHN. - Chánh Văn phòng, trưởng ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN.
III	Ban Giám đốc ĐHQGHN		
1	Giám đốc ĐHQGHN	Phó Giám đốc ĐHQGHN.	- Cấp trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN.

STT	Chức danh quy hoạch	Đối tượng 1	Đối tượng 2
			- Chánh Văn phòng, trưởng ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN.
2	Phó Giám đốc ĐHQGHN	- Cấp trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN. - Chánh Văn phòng, trưởng ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN.	- Cấp phó đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN. - Phó Chánh Văn phòng, phó trưởng ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN.
IV	Lãnh đạo cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy ĐHQGHN (<i>Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy và Ban Tuyên giáo Đảng ủy ĐHQGHN</i>)		
1.	Cấp trưởng	- Cấp phó của cơ quan tham mưu, giúp việc. - Cấp trưởng tổ chức chính trị - xã hội của ĐHQGHN. <i>(đồng thời phải được quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ĐHQGHN).</i>	
2.	Cấp phó	Chuyên viên/Ủy viên của cơ quan tham mưu, giúp việc.	
V	Lãnh đạo Văn phòng, các ban chức năng và tương đương của ĐHQGHN ³		
1.	Chánh Văn phòng ĐHQGHN	- Phó Chánh Văn phòng ĐHQGHN và tương đương. - Cấp phó đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN.	- Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng ĐHQGHN. - Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN.
2.	Phó Chánh Văn phòng ĐHQGHN	- Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng ĐHQGHN.	- Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng ĐHQGHN.

³ Hiện nay trong khung danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo chưa quy định chức danh bí thư, phó bí thư Đoàn Thanh niên của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành đoàn; chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch công đoàn chuyên trách thuộc công đoàn ngành; vì vậy, tạm xây dựng chờ hướng dẫn cụ thể.

STT	Chức danh quy hoạch	Đối tượng 1	Đối tượng 2
		- Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN.	- Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN.
3.	Trưởng ban chức năng và tương đương	- Phó trưởng ban chức năng và tương đương. - Cấp phó đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN.	Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng ĐHQGHN; đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN.
4.	Phó trưởng ban chức năng và tương đương	- Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng ĐHQGHN; đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN. - Chuyên viên của ban chức năng.	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng ĐHQGHN; đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQGHN.
B	TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC		
I	Cấp ủy cơ sở đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc		
1.	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ/Chi ủy cơ sở ⁴	- Cấp phó đơn vị. - Bí thư chi bộ thuộc đảng ủy cơ sở. - Cấp trưởng phòng, khoa, trung tâm và đơn vị tương đương, tổ chức chính trị - xã hội thuộc/trực thuộc đơn vị.	- Phó Bí thư chi bộ thuộc đảng ủy cơ sở. - Cấp phó phòng, khoa, trung tâm và đơn vị tương đương thuộc/trực thuộc đơn vị.
2.	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở	- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cơ sở. - Cấp phó đơn vị.	- Bí thư chi bộ thuộc đảng ủy cơ sở. - Cấp trưởng phòng, khoa, trung tâm và đơn vị tương đương thuộc/trực thuộc đơn vị.

⁴ Quy định này chỉ nêu chung đối tượng quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ/Chi ủy cơ sở, các cấp ủy cơ sở trực thuộc quy định chi tiết để triển khai thực hiện quy trình và quyết định phê duyệt quy hoạch theo ủy quyền của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN.

STT	Chức danh quy hoạch	Đối tượng 1	Đối tượng 2
3.	Phó Bí thư Đảng ủy/Chi bộ cơ sở	- Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ/Chi bộ cơ sở (đối với nơi không có Ban Thường vụ). - Cấp phó đơn vị.	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ/Chi bộ cơ sở.
4.	Bí thư Đảng ủy/Chi bộ cơ sở	- Phó Bí thư Đảng ủy/Chi bộ cơ sở. - Cấp phó đơn vị.	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ/Chi bộ cơ sở (đối với nơi không có Ban Thường vụ).
II	Lãnh đạo đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc		
1.	Cấp trưởng đơn vị	Cấp phó đơn vị và tương đương.	Cấp trưởng phòng, khoa, trung tâm và đơn vị tương đương thuộc/trực thuộc đơn vị.
2.	Cấp phó đơn vị	Cấp trưởng phòng, khoa, trung tâm và đơn vị tương đương thuộc/trực thuộc đơn vị.	Cấp phó phòng, khoa, trung tâm và đơn vị tương đương thuộc/trực thuộc đơn vị.

1. Đối tượng 1: Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ./.

PHỤ LỤC 3
QUY TRÌNH QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY ĐHQGHN QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy định số - QĐ/ĐU ngày /6/2026
của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN)

I. QUY TRÌNH QUY HOẠCH ĐẦU NHIỆM KỲ VÀ RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH TỪ NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

1. Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc ĐHQGHN chỉ đạo cơ quan tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i). Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị; (ii). Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN quản lý. Đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Đảng ủy, Ban Tổ chức và Thanh tra, Chuyên viên phụ trách công tác quy hoạch của Ban Tổ chức và Thanh tra tham dự các bước nhưng không bỏ phiếu (trừ trường hợp thuộc thành phần bỏ phiếu).

2. Quy trình quy hoạch

Bước 1: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo: (i). Thảo luận, thông qua kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; (ii). Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (*trừ các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch*); (iii). Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Thành phần: Ban Thường vụ đảng ủy hoặc cấp ủy (nơi không có ban thường vụ đảng ủy) và cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị⁵.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì báo cáo, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

⁵ Tại Cơ quan ĐHQGHN là Đảng ủy Cơ quan ĐHQGHN.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần: Cấp ủy cơ sở; Cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị; Cấp trưởng, cấp phó phòng, khoa, trung tâm và đơn vị tương đương; Cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc.

Đối với các đơn vị không có đơn vị cấu thành, thành phần gồm cấp trưởng, cấp phó và toàn thể viên chức, người lao động là đảng viên của đơn vị (*quy hoạch chức danh cấp ủy*) hoặc cấp trưởng, cấp phó và toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị (*quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý*).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người triệu tập có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần: Ban Thường vụ đảng ủy hoặc cấp ủy (nơi không có ban thường vụ đảng ủy) và cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị; Cấp trưởng phòng, khoa, trung tâm và đơn vị tương đương thuộc/trực thuộc cơ quan, đơn vị.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

- Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trong trường hợp ở cuối danh sách có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi **có ít nhất 2/3** số người được triệu tập có mặt.
- Kết quả kiểm phiếu ở bước 1, 4 được công bố tại hội nghị; đối với các bước 2, 3 không công bố tại các hội nghị.
- Quy trình quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý thực hiện theo Quy định số 377-QĐ/TW, Quy định số 05-QĐ/TU và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. QUY TRÌNH RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN SỰ TỪ NƠI KHÁC

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i). Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (*trong quy hoạch và ngoài quy hoạch*); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii). Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

- Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị: (i). Thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác; (ii). Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

- Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi **có ít nhất 2/3** số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước tương tự như thành phần trong quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ.

- Kết quả kiểm phiếu ở bước 2, 4 được công bố tại hội nghị.

- Đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Đảng ủy, Ban Tổ chức và Thanh tra, Chuyên viên phụ trách công tác quy hoạch của Ban Tổ chức và Thanh tra tham dự các bước nhưng không bỏ phiếu (trừ trường hợp thuộc thành phần bỏ phiếu)/.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ QUY HOẠCH
(Kèm theo Quy định số - QĐ/ĐU ngày /6/2026
của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN)

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước *(bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước đối với quy hoạch cán bộ)*.
2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 cm và đóng dấu.
3. Đánh giá, nhận xét 03 năm gần nhất của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (i). Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ; (ii). Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, trong đó thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm *(nếu có)*; (iii). Uy tín và triển vọng phát triển.
4. Đánh giá, nhận xét của chi bộ cơ sở hoặc đảng ủy cơ sở nơi công tác.
5. Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.
6. Bản tự nhận xét, đánh giá 03 năm gần nhất của cá nhân.
7. Kết luận tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo quy định của Bộ Chính trị về một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành *(có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định)*.
9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... *(có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền)*.
10. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

*** Lưu ý:**

- (i). Đối với các trường hợp thuộc đối tượng 2 của chức danh đề nghị quy hoạch: Gửi kèm quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh đối tượng 1.
- (ii). Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, không quá 06 tháng tính đến thời điểm xem xét./.